

VinFast Auto Ltd. (Nasdaq: VFS)

Ngành	Ô tô
Ngày báo cáo	24/11/2025
Giá hiện tại *	3,23 USD
Giá trị vốn hóa	7,54 tỷ USD
SL CP lưu hành	2,3 tỷ
CP chuyển nhượng tự do	49,4 tr
<i>* Giá đóng cửa phiên 21/11</i>	

Tổng quan Công ty

VinFast, công ty con do Tập đoàn VinGroup (VIC) sở hữu 51%, tập trung sản xuất xe ô tô điện và xe máy điện. Tại Việt Nam, VinFast đã hoàn thiện cơ sở hạ tầng xe điện, bao gồm 1 nhà máy ở Hải Phòng (công suất sản xuất tối đa 300.000 xe/năm), và 1 nhà máy ở Hà Tĩnh (200.000 xe/năm trong Giai đoạn 1) và 1 nhà máy tại Ấn Độ (50.000 xe/năm trong Giai đoạn 1). Xe điện VinFast có thể kết nối với 1 triệu cổng sạc toàn cầu (trong đó VinFast sở hữu 120.000 cổng sạc tại Việt Nam tính đến cuối quý 3/2025).

Ngày 15/08/2023, cổ phiếu phổ thông và chứng quyền của VinFast được niêm yết trên sàn Nasdaq với mã chứng khoán mới lần lượt là VFS và VFSWW.

Diễn biến giá cổ phiếu

(USD/cổ phiếu)



Thân Như Đoàn Thực, CFA
Chuyên viên cao cấp

Lưu Bích Hồng
Trưởng phòng cao cấp

Các ghi nhận chính từ cuộc họp công bố KQKD quý 3/2025

Chúng tôi đã tham dự cuộc họp công bố KQKD quý 3/2025 của VinFast (Nasdaq: VFS) tổ chức vào ngày 21/11/2025. Các nội dung chính của cuộc họp bao gồm (1) tổng kết KQKD 9 tháng đầu năm 2025 (phù hợp với số liệu mảng công nghiệp mà VIC đã công bố; xem [Báo cáo KQKD](#) của VIC vào ngày 31/10 của chúng tôi), (2) các điểm nhấn từ Mobility Day trong Hội nghị Nhà đầu tư của Vingroup năm 2025, và (3) triển vọng quý 4/2025 và năm 2026.

Nhìn chung, ban lãnh đạo duy trì mục tiêu bàn giao xe toàn cầu năm 2025 sẽ tăng ít nhất gấp đôi so với năm 2024 lên khoảng 200.000 ô tô điện, với 2 tháng cuối năm 2025 dự kiến được thúc đẩy bởi lượng bàn giao lớn các mẫu xe thuộc dòng Green. Ban lãnh đạo kỳ vọng sản lượng bàn giao sẽ tiếp tục tăng trong năm 2026, dù chưa công bố kế hoạch chi tiết. Khoản thanh toán còn lại của giao dịch chuyển nhượng cổ phần Novatech cho Chủ tịch VIC dự kiến trong quý 4/2025 (công bố tháng 8/2025; tổng giá trị 39,8 nghìn tỷ đồng, đã hoàn tất chuyển nhượng trong quý 3/2025 với 25,8 nghìn tỷ đồng đã thanh toán), cùng với các khoản tài trợ bổ sung từ Chủ tịch, được kỳ vọng sẽ là một trong những nguồn vốn hỗ trợ chính cho VFS đến năm 2026.

Chúng tôi kỳ vọng Việt Nam sẽ tiếp tục là thị trường cốt lõi của VinFast, được thúc đẩy bởi tỷ lệ chuyển đổi xe điện ngày càng tăng và các chính sách hỗ trợ tiềm năng. Chúng tôi tin rằng Chủ tịch VIC sẽ tiếp tục cam kết mạnh mẽ trong việc hỗ trợ nhu cầu vốn cho VinFast đến năm 2026.

Kết quả bàn giao trong quý 3/2025 và kế hoạch cho quý 4/2025 và năm 2026

- Trong quý 3/2025**, VFS đã bàn giao tổng cộng 38.195 ô tô điện trên toàn cầu (+7% QoQ), trong đó 26% được bán cho các bên liên quan (so với 21% trong 6T 2025 và 28% trong năm 2024). Các mẫu xe VF 3 và VF 5 đóng góp 47% tổng số xe bàn giao, dòng Green series chiếm 25%, và VF 6 chiếm 16%. Đối với mảng xe máy điện, sản lượng bàn giao tăng mạnh 73% QoQ, đạt 120.052 xe trong quý 3/2025 (< 1% bán cho bên liên quan, so với 9% trong 6T 2025), phản ánh nhu cầu tiêu dùng tăng mạnh tại Việt Nam trong bối cảnh định hướng chính sách điện hóa của Chính phủ.
- Trong 9T 2025**, VFS công bố tổng số xe bàn giao toàn cầu đạt 110.362 ô tô (+149% YoY) (so với 97.000 chiếc của cả năm 2024, trong đó khoảng 23% bán cho các bên liên quan của VinFast), thị trường Việt Nam chiếm 94% sản lượng. Đối với mảng xe máy điện, sản lượng bàn giao tăng mạnh 489% YoY, đạt 234.536 chiếc.
- Trong 10T 2025**, VFS công bố tổng số xe bàn giao tại Việt Nam đạt khoảng 124.264 ô tô, riêng tháng 10 đã bàn giao 20.380 ô tô (so với mức trung bình 9T là 11.400 ô tô/tháng), tương đương 35% tổng doanh số bán lẻ xe du lịch của cả nước, theo ước tính của chúng tôi từ dữ liệu của Hiệp hội Các nhà sản xuất Ô tô Việt Nam và Hyundai Thành Công. Tổng số xe bàn giao toàn cầu của VFS trong 10T 2025 của VFS không được công bố.
- Ban lãnh đạo duy trì mục tiêu bàn giao toàn cầu năm 2025** sẽ ít nhất gấp đôi so với năm 2024, đạt khoảng 200.000 ô tô điện, được hỗ trợ bởi backlog lớn của hai mẫu xe Limo Green và Minio.
- Kế hoạch chính thức cho năm 2026 hiện chưa được công bố**, nhưng trong cuộc họp, ban lãnh đạo cho biết công ty kỳ vọng sản lượng bàn giao ô tô điện sẽ tiếp tục tăng trưởng trong năm 2026, với thị trường Việt Nam chiếm khoảng 70–80% tổng sản lượng và các thị trường quốc tế — đặc biệt là Ấn Độ, Indonesia và Philippines — sẽ tăng tốc. Đối với mảng xe máy điện, công ty đặt mục tiêu gia tăng đa tăng trưởng và mở rộng đáng kể thị phần tại Việt Nam trong năm 2026.
- Thỏa thuận hợp tác với Saigon Glory trong mảng đầu tư BĐS**: Tháng 10/2025, CTCP Sản xuất và Kinh doanh VinFast (VFTP), công ty con của VFS, đã ký thỏa thuận hợp tác 5 năm với Saigon Glory Ltd. để tham gia kinh doanh BĐS. Theo thỏa thuận, VFTP có thể góp vốn tối đa 20,7 nghìn tỷ đồng, trong khi Saigon Glory đóng vai trò phát triển, góp nguồn lực và chuyên môn để quản lý các dự án hợp tác. Theo chia sẻ của ban lãnh đạo, đây là một khoản đầu tư

thụ động, với vốn góp sẽ được hoàn trả khi đáo hạn, kèm theo mức lợi nhuận trước thuế cam kết đạt khoảng 20,8 nghìn tỷ đồng nếu toàn bộ vốn được giải ngân. Việc góp vốn sẽ được thực hiện từ nguồn thanh khoản sẵn có và giải ngân theo tiến độ dự án, không gây ảnh hưởng đáng kể đến dòng tiền của VinFast hay kế hoạch sản xuất & mở rộng toàn cầu của công ty. VFS nhấn mạnh rằng ưu tiên cốt lõi vẫn là phát triển xe điện và tối ưu hóa chi phí.

Nguồn hỗ trợ tài chính từ Chủ tịch VIC và VIC

- Theo CBTT tháng 11/2024 về thỏa thuận tài trợ vốn mới – bao gồm khoản tài trợ lên tới 50 nghìn tỷ đồng từ Chủ tịch VIC và khoản vay 35 nghìn tỷ đồng từ VIC cho VFS đến hết năm 2026 – tính đến cuối tháng 9/2025, Chủ tịch Vingroup đã tài trợ 28 nghìn tỷ đồng cho VinFast, trong khi dư nợ vay của VinFast từ VIC theo cam kết này là 11,6 nghìn tỷ đồng.
- Vào tháng 8/2025, VFS công bố kế hoạch tách một số tài sản R&D đã hoàn thành sang công ty mới là Novatech và chuyển nhượng phần vốn góp tại Novatech cho Chủ tịch VIC với giá trị 39,8 nghìn tỷ đồng. Giao dịch đã được hoàn tất trong quý 3/2025, với tổng 25,8 nghìn tỷ đồng đã được thanh toán tính đến tháng 9, và phần còn lại dự kiến sẽ được thanh toán vào quý 4 2025.

Kết quả tài chính trong 9T 2025 (theo chuẩn mực kế toán US GAAP)

- **Trong quý 3/2025**, doanh thu của VFS tăng 47% YoY và 9% QoQ, đạt 18,1 nghìn tỷ đồng. Công ty ghi nhận lỗ ròng 24,0 nghìn tỷ đồng (so với mức lỗ 20,3 nghìn tỷ đồng trong quý 2/2025 và 13,2 nghìn tỷ đồng trong quý 3/2024).
- Biên lợi nhuận gộp quý 3/2025 là -56%, so với -41% trong quý 2/2025 và -24% trong quý 3/2024. Mức lỗ trên mỗi xe bào giao tăng QoQ trong quý 3/2025, dù sản lượng bàn giao tăng QoQ, chủ yếu phản ánh mức trích lập dự phòng bảo hành cao hơn và chênh lệch thời điểm ghi nhận giá vốn hàng bán và doanh thu đối với một số xe đã giao.
- Theo chia sẻ từ ban lãnh đạo, biên lợi nhuận gộp điều chỉnh (loại trừ tác động chủ yếu từ việc hoãn ghi nhận doanh thu và điều chỉnh RNV) trong quý 3/2025 là -17,1%, so với -20,8% trong quý 2/2025 và -27,3% trong quý 3/2024.
- **Trong 9T 2025**, doanh thu của VFS đạt 51,0 nghìn tỷ đồng (+85% YoY; trong đó 90% đến từ ô tô điện), và lỗ ròng 61,9 nghìn tỷ đồng (so với lỗ 46,7 nghìn tỷ đồng trong 9T 2024).
- Tính đến cuối quý 3/2025, tổng các khoản vay ngắn hạn và dài hạn cùng các khoản phải trả cho bên thứ ba của VFS là 80,2 nghìn tỷ đồng, tăng 29% so với đầu năm, chủ yếu do các khoản vay mới phát sinh trong quý. Tổng khoản phải trả cho các bên liên quan tại cuối quý 3/2025 (bao gồm các khoản phải trả và khoản vay; số tiền chi tiết từ các khoản đi vay chưa được công bố) đạt 99,3 nghìn tỷ đồng (-7% so với đầu năm).
- Đến cuối quý 3/2025, số dư tiền của VFS đạt 8,8 nghìn tỷ đồng, so với 13,8 nghìn tỷ đồng vào cuối quý 2/2025 và 3,3 nghìn tỷ đồng vào cuối năm 2024.
- Trong 9T 2025, tổng chi tiêu dòng tiền hoạt động và vốn XDCB tăng 27% YoY, đạt 53,4 nghìn tỷ đồng, chủ yếu do sản lượng bào giao và vốn XDCB cho các nhà máy mới. Ban lãnh đạo kỳ vọng chi phí nghiên cứu & phát triển cho các nền tảng mới sẽ tiếp tục tăng trong năm 2026.

Hình 1: Kết quả bàn giao xe của VFS

	2022	Q1 2023	Q2 2023	Q3 2023	Q4 2023	Q1 2024	Q2 2024	Q3 2024	Q4 2024	Q1 2025	Q2 2025	Q3 2025	9T 2025	2024	
Xe máy & xe đạp điện	60.000	9.500	10.700	28.000	22.100	7.800	13.100	18.900	31.200	44.900	69.600	120.100	234.500	80.000	
Ô tô	EV	7.400	1.600	9.500	10.300	12.000	9.200	13.200	21.900	53.100	36.300	35.800	38.200	110.400	97.400
	ICE	16.700	VFS đã chuyển đổi hoàn toàn sang sản xuất 100% EV vào tháng 7/2022.												
% bàn giao cho các bên liên quan của VinFast (chủ yếu là GSM)															
Xe máy & xe đạp điện						36%	33%	5%	10%	3%	13%	<1%	4,3%	N/A	
Ô tô	EV			67%	82%	57%	51%	22%	19%	21%	22%	26%	23%	28%	

Nguồn: VinFast, Tổng hợp và ước tính của Vietcap (số liệu làm tròn đến hàng trăm)

Hình 2: Tổng quan báo cáo kết quả kinh doanh

Tỷ đồng	2024	Q1 2024	Q2 2024	Q3 2024	Q4 2024	Q1 2025	Q2 2025	Q3 2025	9M 2024	9M 2025	9M 2025 YoY
Doanh thu thuần	44.019	6.526	8.670	12.327	16.496	16.306	16.609	18.100	27.523	51.016	85%
Lợi nhuận gộp	-25.278	-3.829	-5.436	-2.958	-13.054	-5.736	-6.825	-10.168	-12.223	-22.729	N.M.
Chi phí HĐKD	-30.122	-6.200	-7.960	-5.163	-10.798	-6.324	-6.295	-7.219	-19.324	-19.838	3%
– Chi phí R&D	-10.025	-2.593	-2.663	-2.092	-2.678	-2.016	-2.335	-2.679	-7.347	-7.030	-4%
– Chi phí SG&A	-16.888	-3.057	-3.837	-3.461	-6.533	-3.751	-2.127	-1.837	-5.286	-5.537	5%
– Khác	-3.208	-550	-1.461	389	-1.587	-557	-560	-208	-1.622	-1.325	-18%
Lợi nhuận từ HĐKD	-55.399	-10.029	-13.396	-8.121	-23.852	-12.060	-13.120	-17.387	-31.547	-42.567	N.M.
Thu nhập tài chính	355	28	200	75	51	26	56	60	303	142	-53%
Chi phí tài chính	-19.108	-4.165	-4.515	-4.992	-5.437	-5.054	-5.581	-5.995	-13.671	-16.630	22%
(Lỗ)/lãi ròng từ các công cụ tài chính theo giá trị hợp lý	-3.183	-610	-952	-251	-1.370	-647	-1.299	-503	-1.813	-2.449	N.M.
LNST	-77.385	-14.777	-18.694	-13.279	-30.635	-17.699	-20.108	-23.838	-46.750	-61.644	N.M.
LNST sau lợi ích CĐTS	-77.265	-14.721	-18.741	-13.227	-30.576	-17.672	-20.316	-23.953	-46.690	-61.941	N.M.
Biên lợi nhuận gộp	-57%	-59%	-63%	-24%	-79%	-35%	-41%	-56%	-44%	-45%	
Chi phí R&D/doanh thu	23%	40%	31%	17%	16%	12%	14%	15%	27%	14%	
Chi phí SG&A/doanh thu	38%	47%	44%	28%	40%	23%	20%	24%	38%	23%	
Biên lợi nhuận từ HĐKD	-126%	-154%	-155%	-66%	-145%	-74%	-79%	-96%	-115%	-83%	
Biên LNST sau lợi ích CĐTS	-176%	-226%	-216%	-107%	-185%	-108%	-122%	-132%	-170%	-121%	

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp

Hình 3: Tổng quan báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Tỷ đồng	Q1 2024	Q2 2024	Q3 2024	Q4 2024	Q1 2025	Q2 2025	Q3 2025	2024	9M 2025
Dòng tiền ròng cho hoạt động kinh doanh	(12.426)	(7.863)	(11.192)	1.013	(15.086)	(11.600)	(11.186)	(30.468)	(37.872)
Dòng tiền ròng cho hoạt động đầu tư	(4.290)	(6.545)	1.339	(6.530)	(4.818)	(7.650)	(6.777)	(16.026)	(19.245)
Dòng tiền ròng cho hoạt động tài chính	15.512	14.514	9.257	9.715	18.009	31.638	12.735	48.999	62.382
Tăng (giảm) ròng về tiền, các khoản tương đương	(1.204)	106	(595)	4.198	(1.895)	12.387	(5.227)	2.504	5.265
Tiền đầu năm, các khoản tương đương tiền và tiền mặt bị hạn chế sử dụng	4.859	3.721	3.682	3.297	7.288	5.143	17.514	4.859	7.288
Chênh lệch tỷ giá ròng	67	(145)	211	(208)	(251)	(16)	(249)	(75)	(516)
Tiền cuối năm, các khoản tương đương tiền và tiền mặt bị hạn chế sử dụng	3.721	3.682	3.297	7.288	5.143	17.514	12.037	7.288	12.037
Tiền cuối năm, các khoản tương đương tiền	2.959	2.382	1.892	3.307	2.399	13.773	8.800	3.307	8.800

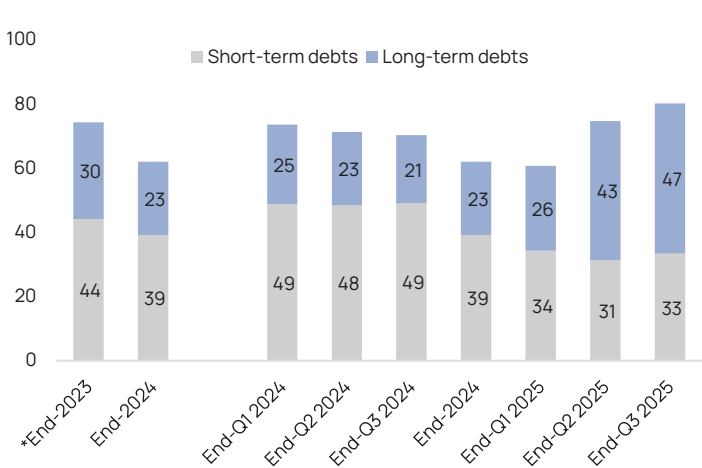
Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp

Hình 4: Tổng quan bảng cân đối kế toán

Tỷ đồng	Cuối 2024	Cuối Q1 2025	Cuối Q2 2025	Cuối Q3 2025
TÀI SẢN				
Tiền mặt & các khoản tương đương tiền	3.307	2.399	13.773	8.800
Các khoản phải thu	5.605	3.024	2.914	2.760
Tồn kho, ròng	27.907	32.874	34.977	37.666
Tài sản ngắn hạn khác	27.963	29.617	34.384	38.583
Tổng tài sản ngắn hạn	64.782	67.912	86.048	87.810
Tài sản cố định, ròng	78.700	77.931	81.515	81.772
Tài sản vô hình, ròng	1.165	1.076	1.029	1.058
Lợi thế thương mại	5.130	4.826	4.039	3.481
Tài sản cho thuê vận hành	6.190	6.500	8.833	9.064
Tài sản dài hạn khác	91.185	90.332	95.416	95.374
Tổng tài sản dài hạn	155.966	158.244	181.464	183.184
NỢ				
Nợ vay ngắn hạn và nợ vay dài hạn đến hạn trả từ các bên cho vay thứ ba	39.124	34.295	31.248	33.337
Nợ ngắn hạn phải sinh	21.620	22.198	23.500	24.038
Các khoản phải trả	20.791	19.928	22.043	28.300
Nợ thuê vận hành ngắn hạn	1.498	1.488	1.323	1.213
Khoản phải trả các bên liên quan	64.251	76.892	81.895	60.373
Nợ ngắn hạn khác	24.224	23.381	24.433	27.024
Tổng nợ ngắn hạn	171.509	178.181	184.442	174.285
Nợ vay dài hạn từ các bên cho vay thứ ba	22.863	26.424	43.441	46.845
Nợ tài chính dài hạn	36	29	24	18
Nợ cho thuê vận hành dài hạn	4.077	3.747	3.183	2.684
Khoản phải trả các bên liên quan	42.096	35.818	32.586	38.946
Nợ dài hạn khác	10.291	11.920	18.020	19.688
Tổng nợ dài hạn	79.362	77.937	97.253	108.181
Tổng nợ	250.871	256.118	281.696	282.466
THÂM HỤT				
Cổ phiếu phổ thông	9.867	9.867	9.867	9.867
Lỗi lũy kế và lỗi khác	-268.253	-286.176	-306.508	-330.710
Thặng dư vốn cổ phần	93.674	98.650	116.649	169.927
Lợi ích không kiểm soát	69.807	79.785	79.759	51.633
Tổng thâm hụt	-94.905	-97.873	-100.232	-99.282
Tổng thâm hụt và nợ	155.966	158.244	181.464	183.184

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp. Lưu ý: (*) Được điều chỉnh để phản ánh sự kiện sát nhập VinES vào ngày 19/01/2024.

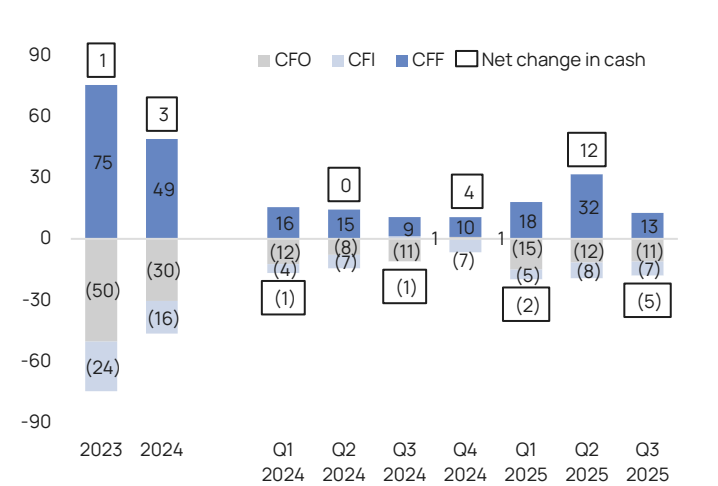
Hình 5: Tổng quan nợ vay^ (nghìn tỷ đồng)



Lưu ý: (*) được điều chỉnh để phản ánh sự kiện sát nhập VinES vào ngày 19/01/2024. (^) Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn; chưa bao gồm các khoản vay từ các bên liên quan. Các khoản phải trả cho các bên liên quan (bao gồm khoản phải trả và khoản vay) là 99,3 nghìn tỷ đồng (-7% YTD) tính đến cuối quý 3/2025.

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất giữa kỳ trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp.

Hình 6: Tổng quan lưu chuyển tiền tệ (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất trước kiểm toán (US GAAP) của VFS, Vietcap tổng hợp.

Xác nhận của chuyên viên phân tích

Chúng tôi, Thân Như Đoàn Thực & Lưu Bích Hồng, xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Phương pháp định giá và Hệ thống khuyến nghị của Vietcap

Nội dung chính trong hệ thống khuyến nghị: Khuyến nghị được đưa ra dựa trên mức tăng/giảm tuyệt đối của giá cổ phiếu để đạt đến giá mục tiêu, được xác định bằng công thức (giá mục tiêu - giá hiện tại)/giá hiện tại và không liên quan đến hoạt động thị trường. Công thức này được áp dụng từ ngày 1/1/2014.

Các khuyến nghị	Định nghĩa
MUA	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ trên 20%
KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dương từ 10%-20%
PHÙ HỢP THỊ TRƯỜNG	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ dao động giữa âm 10% và dương 10%
KÉM KHẢ QUAN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm từ 10-20%
BÁN	Tổng lợi nhuận cổ đông (bao gồm cổ tức) trong 12 tháng tới dự báo sẽ âm trên 20%
KHÔNG ĐÁNH GIÁ	Bộ phận nghiên cứu đang hoặc có thể sẽ nghiên cứu cổ phiếu này nhưng không đưa ra khuyến nghị hay giá mục tiêu vì lý do tự nguyện hoặc chỉ để tuân thủ các quy định của luật và/hoặc chính sách công ty trong trường hợp nhất định, bao gồm khi Vietcap đang thực hiện dịch vụ tư vấn trong giao dịch sáp nhập hoặc chiến lược có liên quan đến công ty đó.
KHUYẾN NGHỊ TẠM HOÃN	Hình thức đánh giá này xảy ra khi chưa có đầy đủ thông tin cơ sở để xác định khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu. Khuyến nghị đầu tư hoặc giá mục tiêu trước đó, nếu có, không còn hiệu lực đối với cổ phiếu này.

Trừ khi có khuyến cáo khác, những khuyến nghị đầu tư chỉ có giá trị trong vòng 12 tháng. Những biến động giá trong tương lai có thể làm cho các khuyến nghị tạm thời không khớp với mức chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu và giá mục tiêu nên việc việc diễn giải các khuyến nghị đầu tư cần được thực hiện một cách linh hoạt.

Rủi ro: Tình hình hoạt động trong quá khứ không nhất thiết sẽ diễn ra tương tự cho các kết quả trong tương lai. Tỷ giá ngoại tệ có thể ảnh hưởng bất lợi đến giá trị, giá hoặc lợi nhuận của bất kỳ chứng khoán hay công cụ tài chính nào có liên quan được nói đến trong báo cáo này. Để được tư vấn đầu tư, thực hiện giao dịch hoặc các yêu cầu khác, khách hàng nên liên hệ với đơn vị đại diện kinh doanh của khu vực để được giải đáp.

Liên hệ

CTCP Chứng khoán Vietcap (Vietcap)

www.vietcap.com.vn

Trụ sở chính (1): Bitexco

Tháp tài chính Bitexco, tầng 15,
Số 2 Hải Triều, Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 3914 3588

Trụ sở chính (2): Nguyễn Huệ

Tòa nhà Vinatex, Tầng 3, Số 10 Nguyễn Huệ,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
+84 28 8882 6868

Phòng giao dịch Hàm Nghi

Tòa nhà Doji, tầng 16, số 81-83-83B-85 Hàm Nghi,
Phường Sài Gòn, Tp. HCM
+84 28 8882 6868

Chi nhánh Hà Nội

109 Trần Hưng Đạo, tầng 6
Phường Cửa Nam, Tp. Hà Nội
+84 24 6262 6999

Phòng giao dịch Mỹ Đình

SAP.A09 Tòa A – Chung cư cao tầng HH2-1 (The Matrix One)
Phường Từ Liêm, Tp. Hà Nội (Số 1 Lê Quang Đạo)
+84 28 8882 6868

Phòng Nghiên cứu và Phân tích

Research Team: +84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Ngân hàng, Chứng khoán và Bảo hiểm

Huỳnh Thị Hồng Ngọc,

Trưởng phòng, ext 138

- Vũ Thế Quân, Phó Trưởng phòng, ext 364

- Hồ Thu Nga, Chuyên viên, ext 516

Vĩ mô

Hoàng Thúy Lương

Trưởng phòng cao cấp, ext 368

- Đào Minh Quang, Chuyên viên, ext 365

Hàng tiêu dùng

Hoàng Nam

Giám đốc, ext 124

- Bùi Xuân Vinh, Chuyên viên cao cấp, ext 584

- Lý Phúc Thanh Ngân, Chuyên viên cao cấp, ext 532

- Nguyễn Thảo Nguyên, Chuyên viên, ext 268

Dầu khí, Điện và Nước

Đinh Thị Thùy Dương

Phó Giám đốc, ext 140

- Dương Tấn Phước, Chuyên viên, ext 135

- Đỗ Công Anh Tuấn, Chuyên viên, ext 181

- Phạm Phú Lộc, Chuyên viên, ext 549

Bất động sản

Lưu Bích Hồng

Trưởng phòng cao cấp, ext 120

- Phạm Nhật Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 149

- Thân Như Đoàn Thực, Chuyên viên cao cấp, ext 174

Công nghiệp và Cơ sở hạ tầng

Nguyễn Thảo Vy

Trưởng phòng cao cấp, ext 147

- Nguyễn Thị Ngọc Hân, Chuyên viên, ext 191

- Hoàng Gia Huy, Chuyên viên, ext 526

Khách hàng cá nhân

Vũ Minh Đức - Phó Giám đốc, ext 363

- Nguyễn Quốc Nhật Trung, Trưởng phòng, ext 129

- Tống Hoàng Trâm Anh, Chuyên viên cao cấp, ext 366

- Lê Hải Đăng, Chuyên viên, ext 570

- Võ Phan Hồng Kiệt, Chuyên viên, ext 470

Phòng Tư Vấn Đầu Tư và Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

Anthony Le

Giám đốc

Phòng Giao dịch Chứng khoán – Khách hàng tổ chức

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Châu Thiên Trúc Quỳnh

Giám đốc điều hành

Phòng Tư Vấn Đầu Tư

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này, Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành, Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước, Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này, Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt, Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap, Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.